BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2675 /LĐTBXH-KHTC	*Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2020*
V/v báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công quý II/2020	

Kính gửi:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công; Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công quý II/2020 theo chi tiết tại các Phụ lục đính kèm.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ (để công khai);
- Lưu: VT, KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Phạm Quang Phụng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(TÍNH ĐẾN 30/6/2020)

(Kèm theo Công văn số 2675/LĐTBXH-KHTC ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2020			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2020 tính từ 01/01/2020 đến hết ngày 30/6/2020			Giải ngân Kế hoạch năm 2020 tính từ 01/01/2020 đến hết ngày 30/6/2020			So với Kế hoạch năm 2020 (%)					
											Khối lượng thực hiện			Giải ngân		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	**385.700**	**385.700**		**96.986**	**96.986**		**115.800**	**115.800**		**25,18%**	**25,18%**		**30,06%**	**30,06%**	
I	**Vốn ngân sách nhà nước**	**385.700**	**385.700**		**96.986**	**96.986**		**115.800**	**115.800**		**25,18%**	**25,18%**		**30,06%**	**30,06%**	
	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	**385.200**	**385.200**		**96.986**	**96.986**		**115.800**	**115.800**		**25,18%**	**25,18%**		**30,06%**	**30,06%**	
1	Nhiệm vụ lập quy hoạch	6.000	6.000													
2	Xã hội	241.689	241.689		71.287	71.287		85.804	85.804		29,50%	29,50%		35,50%	35,50%	
3	Y tế dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm	10.000	10.000		100	100		100	100							
4	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	48.811	48.811													
5	Quản lý nhà nước	39.200	39.200		5.599	5.599		6.668	6.668		14,28%	14,28%		17,01%	17,01%	
6	Công nghệ thông tin	39.500	39.500		20.000	20000		23.228	23.228		50,63%	50,63%		58,81%	58,81%	
	Vốn sử dụng dự phòng chung	**500**	**500**													
1	Chuẩn bị đầu tư	500	500													

Biểu số 02

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Giải ngân kế hoạch năm 2020 tính đến 30/6/2020			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó: NSNN		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*			*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
	TỔNG CỘNG							**385.700**	**-**	**-**	**96.986**	**115.800**			
	Vốn trong nước							***385.700***	**-**	**-**	***96.986***	***115.800***			
	Vốn ngoài nước														
A	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực**							**385.700**	**-**	**-**	**96.986**	**115.800**			
	Nhiệm vụ lập Quy hoạch							**6.000**	**-**	**-**	**-**	**-**			
1	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng		7.831.506					1.000							
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội		7.833.181					2.000							
3	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp							3.000							
I	**Xã hội**							**241.689**	**-**	**-**	**71.287**	**85.804**			
	Thực hiện dự án							**241.689**	**-**	**-**	**71.287**	**85.804**			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Giải ngân kế hoạch năm 2020 tính đến 30/6/2020			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó: NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
	Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng còn thiếu vốn (không phải thực hiện tiết kiệm 10% TMĐT theo NQ89)							**13.895**	-	-	**4.699**	**4.699**			
1	Trung tâm điều dưỡng người có công khu vực miền Trung	Đà Nẵng	7.339.760	2013-2017	1373/QĐ-LĐTBXH ngày 4/10/2012	236.682	236.682	6.303							
2	Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Trị	Quảng Trị	7.224.967	2014-2017	1632/QĐ-LĐTBXH ngày 22/10/2013	62.613	62.613	6.261			3.368	3.368			
3	Trung tâm điều dưỡng người có công Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	7.287.617	2015-2018	1413/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2014	48.171	48.171	1.331			1.331	1.331			
	Dự án hoàn thành							***151.619***	-	-	***46.188***	***51.894***			
	Dự án nhóm B							*151.619*	-	-	*46.188*	*51.894*			
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hà Nam	Hà Nam	7.501.096	2016-2020	1349/QĐ-LĐTBXH ngày 04/10/2018	63.770	63.770	11.570			5.762	5.762			
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định	Nam Định	7.521.939	2016-2020	829/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2018	66.955	66.955	22.555			3.001	3.001			
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	7.210.952	2016-2020	828/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2018	68.292	68.292	25.960			5.000	6.000			
4	Trung tâm phục hồi chức năng trẻ tàn tật Thụy An	Hà Nội	7.216.064	2016-2020	817/QĐ-LĐTBXH ngày 28/6/2018	72.000	72.000	29.300			4.925	4.925			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Giải ngân kế hoạch năm 2020 tính đến 30/6/2020			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó: NSNN		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*			*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
5	Trung tâm điều dưỡng thương binh và người có công Long Đất	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.518.690	2016-2020	739QĐ-LĐTBXH ngày 15/6/2018	71.051	71.051	30.851			14.000	16.105			
6	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh	7.447.518	2016-2020	546/QĐ-LĐTBXH ngày 10/5/2018	69.883	69.883	31.383			13.500	16.101			
	Dự án chuyển tiếp							***76.175***	-	-	***20.400***	***29.211***			
	Dự án nhóm B							*76.175*	-	-	*20.400*	*29.211*			
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định	Bình Định	7.562.255	2018-2021	640QĐ-LĐTBXH ngày 29/5/2018	68.724	68.724	12.175			5.000	6.899			
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	7.562.800	2018-2021	308QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2018	71.218	71.218	12.000			5.200	6.915			
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Sơn La	Sơn La	7.573.315	2018-2021	553/QĐ-LĐTBXH ngày 11/5/2018	71.251	71.251	12.000			3.500	4.478			
4	Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	Bắc Giang	7.569.816	2018-2021	1672/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2017	54.000	54.000	12.000			1.700	2.307			
5	Trung tâm phục hồi sức khỏe người có công Sầm Sơn	Thanh Hóa	7.565.299	2018-2021	1696/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017	71.999	71.999	12.000			3.500	4.339			
6	Trung tâm điều dưỡng người có công Sa Pa (giai đoạn 2)	Lào Cai	7.568.353	2019-2022	1030/QĐ-LĐTBXH ngày 08/8/2018	44.039	44.039	8.000			1.500	4.273			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Giải ngân kế hoạch năm 2020 tính đến 30/6/2020			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó: NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
7	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.448.398	2019-2022	1512/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2018	67.710	67.710	8.000							
III	**Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**							**48.811**	-	-	-	-			
	Dự án hoàn thành							***40.811***	-	-	-	-			
	Dự án nhóm B							*40.811*	-	-	-	-			
1	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất	Quảng Ngãi	7.538.660	2016-2020	565/QĐ-LĐTBXH ngày 14/5/2018	116.000	116.000	40.811							
	Dự án chuyển tiếp							***8.000***	-	-	-	-			
1	Trường Đại học Lao động xã hội (Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh)	Tp. HCM	7.564.401	2019-2023	1503/QĐ-LĐTBXH ngày 30/10/2018	108.000	108.000	8.000							
IV	**Công nghệ thông tin**							**40.000**	-	-	**20.000**	**23.228**			
	Dự án chuyển tiếp							***39.500***	-	-	***20.000***	***23.228***			
	Dự án nhóm B							*39.500*	-	-	*20.000*	*23.228*			
1	Tăng cường năng lực công nghệ thông tin Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	7.622.520	2018-2021	1427/QĐ-LĐTBXH ngày 16/10/2018	65.000	65.000	39.500			20.000	23.228			
	Dự án chuẩn bị đầu tư							***500***	-	-	-	-			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Giải ngân kế hoạch năm 2020 tính đến 30/6/2020			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó: NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	Xây dựng Chính phủ điện tử và ứng dụng khoa học công nghệ mới vào quản lý điều hành và cung ứng dịch vụ công lĩnh vực lao động, xã hội, người có công							500							
V	**Y tế dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm**							**10.000**	**-**	**-**	**100**	**100**			
	Dự án khởi công mới							***10.000***	**-**	**-**	***100***	***100***			
	Dự án nhóm B							*10.000*	-	-	*100*	*100*			
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Tp Hồ Chí Minh	Tp.HCM	7.798.503	2020-2021	1621/QĐ-LĐTBXH ngày 30/10/2019	50.000	49.786	10.000			100	100			
VI	**Quản lý Nhà nước**							**39.200**	**-**	**-**	**5.599**	**6.668**			
	Dự án chuyển tiếp							***19.200***	**-**	**-**	***3.099***	***3.099***			
	Dự án nhóm B							*19.200*	-	-	*3.099*	*3.099*			
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở 35 Trần Phú	Hà Nội	7.521.324	2018-2021	1723/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2017	70.623	70.623	19.200			3.099	3.099			
	Dự án khởi công mới							***20.000***	**-**	**-**	***2.500***	***3.569***			
1	Trụ sở liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	7.735.779	2020-2023	1623/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2019	485.000	485.000	20.000			2.500	3.569			

Biểu số 03

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm 2020	Ước giải ngân từ 01/01/2020 đến 31/01/2021	
	TỔNG CỘNG							**385.700**	**385.700**	
	Vốn trong nước							***385.700***	***385.700***	
	Vốn ngoài nước									
A	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực**							**385.700**	**385.700**	
	Nhiệm vụ lập Quy hoạch							**6.000**	**6.000**	
1	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng		7.831.506					1.000	1.000	
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội		7.833.181					2.000	2.000	
3	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp							3.000	3.000	
I	**Xã hội**							**241.689**	**241.689**	
	Thực hiện dự án							**241.689**	**241.689**	
	Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng còn thiếu vốn (không phải thực hiện tiết kiệm 10% TMĐT theo NQ89)							**13.895**	**13.895**	
1	Trung tâm điều dưỡng người có công khu vực miền Trung	Đà Nẵng	7.339.760	2013-2017	1373/QĐ-LĐTBXH ngày 4/10/2012	236.682	236.682	6.303	6.303	
2	Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Trị	Quảng Trị	7.224.967	2014-2017	1632/QĐ-LĐTBXH ngày 22/10/2013	62.613	62.613	6.261	6.261	
3	Trung tâm điều dưỡng người có công Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	7.287.617	2015-2018	1413/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2014	48.171	48.171	1.331	1.331	
	Dự án hoàn thành							***151.619***	***151.619***	
	Dự án nhóm B							*151.619*	*151.619*	
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hà Nam	Hà Nam	7.501.096	2016-2020	1349/QĐ-LĐTBXH ngày 04/10/2018	63.770	63.770	11.570	11.570	
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định	Nam Định	7.521.939	2016-2020	829/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2018	66.955	66.955	22.555	22.555	
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	7.210.952	2016-2020	828/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2018	68.292	68.292	25.960	25.960	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Ước giải ngân từ 01/01/2020 đến 31/01/2021	
						Tổng số	Trong đó: NSNN			
4	Trung tâm phục hồi chức năng trẻ tàn tật Thụy An	Hà Nội	7.216.064	2016-2020	817/QĐ-LĐTBXH ngày 28/6/2018	72.000	72.000	29.300	29.300	
5	Trung tâm điều dưỡng thương binh và người có công Long Đất	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.518.690	2016-2020	739QĐ-LĐTBXH ngày 15/6/2018	71.051	71.051	30.851	30.851	
6	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh	7.447.518	2016-2020	546/QĐ-LĐTBXH ngày 10/5/2018	69.883	69.883	31.383	31.383	
	Dự án chuyển tiếp							***76.175***	***76.175***	
	Dự án nhóm B							*76.175*	*76.175*	
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định	Bình Định	7.562.255	2018-2021	640QĐ-LĐTBXH ngày 29/5/2018	68.724	68.724	12.175	12.175	
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	7.562.800	2018-2021	308QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2018	71.218	71.218	12.000	12.000	
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Sơn La	Sơn La	7.573.315	2018-2021	553/QĐ-LĐTBXH ngày 11/5/2018	71.251	71.251	12.000	12.000	
4	Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	Bắc Giang	7.569.816	2018-2021	1672/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2017	54.000	54.000	12.000	12.000	
5	Trung tâm phục hồi sức khỏe người có công Sầm Sơn	Thanh Hóa	7.565.299	2018-2021	1696/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2017	71.999	71.999	12.000	12.000	
6	Trung tâm điều dưỡng người có công Sa Pa (giai đoạn 2)	Lào Cai	7.568.353	2019-2022	1030/QĐ-LĐTBXH ngày 08/8/2018	44.039	44.039	8.000	8.000	
7	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.448.398	2019-2022	1512/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2018	67.710	67.710	8.000	8.000	
III	**Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**							**48.811**	**48.811**	
	Dự án hoàn thành							***40.811***	***40.811***	
	Dự án nhóm B							*40.811*	*40.811*	
1	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất	Quảng Ngãi	7.538.660	2016-2020	565/QĐ-LĐTBXH ngày 14/5/2018	116.000	116.000	40.811	40.811	
	Dự án chuyển tiếp							***8.000***	***8.000***	
1	Trường Đại học Lao động xã hội (Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh)	Tp. HCM	7.564.401	2019-2023	1503/QĐ-LĐTBXH ngày 30/10/2018	108.000	108.000	8.000	8.000	
IV	**Công nghệ thông tin**							**40.000**	**40.000**	
	Dự án chuyển tiếp							***39.500***	***39.500***	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Ước giải ngân từ 01/01/2020 đến 31/01/2021	
						Tổng số	Trong đó: NSNN			
	Dự án nhóm B							*39.500*	*39.500*	
1	Tăng cường năng lực công nghệ thông tin Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	7.622.520	2018-2021	1427/QĐ-LĐTBXH ngày 16/10/2018	65.000	65.000	39.500	39.500	
	Dự án chuẩn bị đầu tư							***500***	***500***	
1	Xây dựng Chính phủ điện tử và ứng dụng khoa học công nghệ mới vào quản lý điều hành và cung ứng dịch vụ công lĩnh vực lao động, xã hội, người có công							500	500	
V	**Y tế dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm**							**10.000**	**10.000**	
	Dự án khởi công mới							***10.000***	***10.000***	
	Dự án nhóm B							*10.000*	*10.000*	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Tp Hồ Chí Minh	Tp.HCM	7.798.503	2020-2021	1621/QĐ-LĐTBXH ngày 30/10/2019	50.000	49.786	10.000	10.000	
VI	**Quản lý Nhà nước**							**39.200**	**39.200**	
	Dự án chuyển tiếp							***19.200***	***19.200***	
	Dự án nhóm B							*19.200*	*19.200*	
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở 35 Trần Phú	Hà Nội	7.521.324	2018-2021	1723/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2017	70.623	70.623	19.200	19.200	
	Dự án khởi công mới							***20.000***	***20.000***	
1	Trụ sở liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	7.735.779	2020-2023	1623/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2019	485.000	485.000	20.000	20.000	